TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nhật Hoàng Phương và ông Nguyễn Huỳnh Bảo.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa****:* Bà Phạm Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXX-ST ngày 19/8/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú (cũ): 273/11 N, Phường E, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ thường trú (mới): 273/11 N, Phường T, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Bà H có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Ông Triệu Văn M, sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú (Cũ): 273/11 N, Phường E, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ hiện nay: 2 N, Phường T, tỉnh Đắk Lắk. Ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày: Qua quá trình tìm hiểu, bà Hòa kết H1 với ông Triệu Văn M vào năm 2007 tại UBND E, thành phố T. Sau khi cưới về ở chung với nhà chồng tại địa chỉ 2 N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Hôn nhân tự nguyện, ban đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông M thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, công việc không ổn định, không tu chí làm ăn, không muốn lao động. Từ kinh tế đến mọi việc trong gia đình cũng như việc nuôi dưỡng, chăm sóc con đều do bà H chăm lo. Đến năm 2022, ba mẹ con bà H về nhà mẹ đẻ ở S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) ở cho đến nay, ông M cũng không qua lại, thăm hỏi chăm sóc con

chung. Từ đó đến nay, bà không gặp ông M, không liên lạc gì, không ai biết cuộc sống của ai. Nay, bà H không còn tình cảm nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông M.

Về con chung: Giữa ông M và bà H có 02 con chung là cháu Triệu Hoàng T, sinh năm 2009 và cháu Triệu Nguyên Quang K, sinh năm 2014. Hiện nay cả hai cháu đều ở chung với bà H và học tập trên Sơn Thành T1, huyện T (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Ông M không chu cấp nuôi con. Khi ly hôn, thì bà H yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn Triệu Văn M vắng mặt nên không có trình bày:

Tại Biên bản xác minh ngày 21/5/2025 tại Công an phường E, thành phố T, Phú Yên (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) xác định anh Triệu Văn M có hộ khẩu thường trú tại 273/11 N, phường E, T, Phú Yên. Năm 2024 bán nhà và không sinh sống tại địa phương.

Toà án đã tiến hành các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành được. Đối với bị đơn Triệu Văn M, đã đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các ngày 16, 17,18/7/2025, đồng thời tiến hành niêm yết tại địa phương để giải quyết vụ án theo quy định

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Triệu Văn M. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao các con chung là cháu Triệu Hoàng T, sinh năm 2009 và cháu Triệu Nguyên Quang K, sinh năm 2014 cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lê Thị Kim H yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Triệu Văn M có địa chỉ tại 2 N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là

TAND Khu vực 11 – Đắk Lắk) giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Triệu Văn M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị Kim H và bị đơn Triệu Văn M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường E1 (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 22/10/2007, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bị đơn M không chịu lao động kiếm tiền, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con. Mọi việc trong gia đình, từ tài chính cũng như việc chăm sóc các con đều do nguyên đơn lo lắng. Từ năm 2022 đến nay không sống chung với nhau, nguyên đơn và các con về nhà cha mẹ đẻ ở S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) ở đến nay. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà, bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không sống chung với nhau đã hơn 3 năm. Bị đơn không quan tâm, lo lắng cuộc sống gia đình, không vun đắp tình cảm vợ chồng, bỏ bê vợ con, không cùng nhau chăm sóc con chung cho thấy không còn tình thương, sự tôn trọng, cảm thông của vợ chồng dành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn Lê Thị Kim H và bị đơn Triệu Văn M có 02 con chung là cháu Triệu Hoàng T, sinh năm 2009 và cháu Triệu Nguyên Quang K, sinh năm 2014. Hiện nay các cháu T và K đều đang sống với mẹ, có nguyện vọng ở với mẹ. Bị đơn Triệu Văn M không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý ổn định cho các con chung, hội đồng xét xử xét giao các cháu T và K cho nguyên đơn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn Lê Thị Kim H không yêu cầu bị đơn Triệu Văn M cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Kim H được ly hôn với bị đơn Triệu Văn M.

2. Về con chung: Giao các con chung Triệu Hoàng T, sinh năm 2009 và cháu Triệu Nguyên Quang K, sinh năm 2014 cho nguyên đơn Lê Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Triệu Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005945 ngày 01/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đắk Lắk). Nguyên đơn H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:;
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Khu vực 11 – Đắk Lắk;*
- *THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Phòng THAHS KV 11 – Đắk Lắk;*
- *UBND P.5 (Nay là P.Tuy Hoà) (số 106/2007);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Nhật Hoàng Phương	**Nguyễn Huỳnh Bảo**	**Đặng Thị Ngọc Uyên**